

Số: /QĐ-BKHCN

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Chương trình quốc gia về khởi nghiệp sáng tạo
giai đoạn 2026-2035**

BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ngày 27 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 225/2026/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 265/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 268/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 86/NQ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về khởi nghiệp sáng tạo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Khởi nghiệp và Doanh nghiệp công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình quốc gia về khởi nghiệp sáng tạo (sau đây viết tắt là Chương trình), với các nội dung sau:

I. QUAN ĐIỂM

1. Chương trình cụ thể hóa chủ trương, định hướng của Đảng, nhà nước về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; góp phần thực hiện Chiến lược quốc gia về khởi nghiệp sáng tạo để giải quyết một số tồn tại chính đang làm hạn chế khả năng hình thành các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo có công nghệ, sản phẩm đột phá và năng lực tăng trưởng cao.

2. Chương trình là tập hợp các nhiệm vụ, hoạt động có trọng tâm, trọng điểm, được xây dựng theo hướng tiếp cận từ hỗ trợ khởi nghiệp sang tập trung tháo gỡ các điểm nghẽn, thúc đẩy kết nối các mắt xích trong hệ sinh thái.

3. Hoạt động hỗ trợ phải bám sát nhu cầu thực tiễn của nền kinh tế; lấy thị trường làm định hướng, lấy sự lớn mạnh của doanh nghiệp và hiệu quả kinh tế - xã hội làm thước đo cho sự thành công của Chương trình.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Thúc đẩy hình thành, phát triển các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo có tiềm năng tăng trưởng cao trên cơ sở khai thác, thương mại hóa kết quả nghiên cứu, công nghệ và quyền sở hữu trí tuệ; kết nối và huy động hiệu quả các nguồn lực về chuyên gia, công nghệ, vốn và thị trường để hoàn thiện, phát triển và nhân rộng các sản phẩm, dịch vụ, giải pháp của khởi nghiệp sáng tạo; hướng tới hình thành lực lượng doanh nghiệp công nghệ có năng lực cạnh tranh, khả năng mở rộng thị trường và hội nhập quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Tăng cường năng lực, liên kết thực chất các nguồn lực hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo và phát triển văn hóa khởi nghiệp sáng tạo;

b) Gia tăng, phát triển đội ngũ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo dựa trên thương mại hóa kết quả nghiên cứu, công nghệ, quyền sở hữu trí tuệ;

c) Hỗ trợ kết nối, thu hút vốn đầu tư từ các chương trình hỗ trợ, tổ chức hỗ trợ, nhà đầu tư khác cho các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

3. Chỉ tiêu cần đạt

3.1. Đến năm 2030:

a) Về tăng cường năng lực, liên kết thực chất các nguồn lực hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo và phát triển văn hóa khởi nghiệp sáng tạo:

- Truyền thông nhân rộng tối thiểu 100 ý tưởng, sáng kiến, điển hình khởi nghiệp thành công, bài học thất bại, mô hình đổi mới sáng tạo có hiệu quả; đạt 1.000.000 lượt tiếp cận/năm;

- Hỗ trợ tối thiểu 100 tổ chức, doanh nghiệp triển khai các hoạt động ươm tạo, tăng tốc cho khởi nghiệp sáng tạo với sự tham gia của tối thiểu 500 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo;

- Hỗ trợ phát triển tối thiểu 500 chuyên gia hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, quản lý quỹ đầu tư mạo hiểm, quản lý vận hành chương trình ươm tạo, tăng tốc khởi nghiệp sáng tạo;

- Hỗ trợ tối thiểu 150 sản phẩm, dịch vụ, giải pháp khởi nghiệp sáng tạo tham gia thử nghiệm, ứng dụng và nhân rộng với cơ quan nhà nước, địa phương, tập đoàn, doanh nghiệp lớn;

b) Về gia tăng, phát triển đội ngũ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo dựa trên thương mại hóa kết quả nghiên cứu, công nghệ, quyền sở hữu trí tuệ:

- Hỗ trợ tối thiểu 5.000 cá nhân, tổ chức thực hiện hoạt động khởi nghiệp sáng tạo sử dụng nền tảng, dịch vụ, công cụ số;

- Thành lập tối thiểu 250 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trên cơ sở thử nghiệm, hoàn thiện công nghệ, phát triển sản phẩm và thương mại hóa kết quả nghiên cứu, quyền sở hữu trí tuệ;

- Hỗ trợ tối thiểu 30 doanh nghiệp thực hiện thử nghiệm có kiểm soát các sản phẩm, dự án khởi nghiệp sáng tạo;

- Hỗ trợ tối thiểu 150 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo hoàn thiện quy trình, phát triển sản phẩm mẫu đưa vào sản xuất;

- Hỗ trợ tối thiểu 200 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo giai đoạn ươm tạo, tăng trưởng; trong đó tối thiểu 30% doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ chiến lược, 30% doanh nghiệp có tăng trưởng về doanh thu, khách hàng, huy động được vốn đầu tư tiếp theo hoặc phát triển thị trường quốc tế trong vòng 12 tháng sau chương trình;

c) Về thu hút vốn đầu tư cho khởi nghiệp sáng tạo thông qua các hoạt động, nhiệm vụ: đạt tối thiểu bằng 100% tổng kinh phí ngân sách nhà nước đã cấp thực hiện Chương trình.

3.2. Đến năm 2035:

a) Về tăng cường năng lực, liên kết thực chất các nguồn lực hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo và phát triển văn hóa khởi nghiệp sáng tạo:

- Truyền thông nhân rộng tối thiểu 200 ý tưởng, sáng kiến, điển hình khởi nghiệp thành công, bài học thất bại, mô hình đổi mới sáng tạo có hiệu quả; đạt 1.200.000 lượt tiếp cận/năm;

- Hỗ trợ tối thiểu 200 tổ chức, doanh nghiệp triển khai các hoạt động ươm tạo, tăng tốc cho khởi nghiệp sáng tạo với sự tham gia của tối thiểu 1.000 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo;

- Hỗ trợ phát triển tối thiểu 1.000 chuyên gia hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, quản lý quỹ đầu tư mạo hiểm, quản lý vận hành chương trình ươm tạo, tăng tốc khởi nghiệp sáng tạo;

- Hỗ trợ tối thiểu 300 sản phẩm, dịch vụ, giải pháp khởi nghiệp sáng tạo tham gia thử nghiệm, ứng dụng và nhân rộng với cơ quan nhà nước, địa phương, tập đoàn, doanh nghiệp lớn;

b) Về gia tăng, phát triển đội ngũ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo dựa trên thương mại hóa kết quả nghiên cứu, công nghệ, quyền sở hữu trí tuệ:

- Hỗ trợ tối thiểu 10.000 cá nhân, tổ chức thực hiện hoạt động khởi nghiệp sáng tạo sử dụng nền tảng, dịch vụ, công cụ số;

- Thành lập tối thiểu 500 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trên cơ sở thử nghiệm, hoàn thiện công nghệ, phát triển sản phẩm và thương mại hóa kết quả nghiên cứu, quyền sở hữu trí tuệ;

- Hỗ trợ tối thiểu 60 doanh nghiệp thực hiện thử nghiệm có kiểm soát các sản phẩm, dự án khởi nghiệp sáng tạo;

- Hỗ trợ tối thiểu 300 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo hoàn thiện quy trình, phát triển sản phẩm mẫu đưa vào sản xuất;

- Hỗ trợ tối thiểu 400 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo giai đoạn ươm tạo, tăng trưởng; trong đó tối thiểu 30% doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ chiến lược, 30% doanh nghiệp có tăng trưởng về doanh thu, khách hàng, huy động được vốn đầu tư tiếp theo hoặc phát triển thị trường quốc tế trong vòng 12 tháng sau chương trình;

c) Về thu hút vốn đầu tư cho khởi nghiệp sáng tạo thông qua các hoạt động, nhiệm vụ: đạt tối thiểu bằng 120% tổng kinh phí ngân sách nhà nước đã cấp thực hiện Chương trình.

III. NGUYÊN TẮC TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH

1. Hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo theo cơ chế thị trường, lấy nhu cầu của thị trường, tiềm năng tăng trưởng và tác động kinh tế - xã hội làm căn cứ chủ yếu để lựa chọn, hỗ trợ và đánh giá kết quả thực hiện.

2. Tập trung lựa chọn hỗ trợ một số giai đoạn trong chuỗi phát triển của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo từ hình thành ý tưởng, phát triển công nghệ, hoàn thiện sản phẩm, kiểm chứng thị trường đến tăng tốc, mở rộng quy mô và phát

triển thị trường trong nước, nước ngoài; bảo đảm tính liên tục và khả năng tiếp cận các nguồn lực hỗ trợ khác phù hợp với từng giai đoạn phát triển.

3. Khuyến khích huy động nguồn lực và phát huy vai trò dẫn dắt của khu vực tư nhân, các quỹ đầu tư, nhà đầu tư, doanh nghiệp lớn, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo và chuyên gia trong việc tham gia lựa chọn, đồng hành, đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

4. Quy trình quản lý, thực hiện nhiệm vụ, hỗ trợ hoạt động; xử lý tài sản, quản lý và thương mại hóa kết quả của nhiệm vụ đổi mới sáng tạo, hoạt động thuộc Chương trình thực hiện theo quy định hiện hành về quản lý hoạt động phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo và, nhiệm vụ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, đảm bảo công khai, minh bạch, dựa trên kết quả đầu ra và tác động thực tế.

5. Tăng cường hợp tác quốc tế nhằm thu hút nguồn lực, tri thức, công nghệ và đầu tư cho khởi nghiệp sáng tạo; hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo Việt Nam tham gia thị trường khu vực và quốc tế.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH

1. Tuyên truyền, giới thiệu, nhân rộng ý tưởng, sáng kiến, điển hình khởi nghiệp thành công, bài học thất bại, mô hình đổi mới sáng tạo có hiệu quả.

2. Hỗ trợ tổ chức các chương trình kết nối nhà sáng lập, ươm tạo, tăng tốc để thương mại hóa kết quả nghiên cứu, công nghệ, quyền sở hữu trí tuệ.

3. Hỗ trợ hoạt động tìm kiếm, tuyển chọn, đặt hàng, thử nghiệm, ứng dụng và nhân rộng sản phẩm, dịch vụ, giải pháp khởi nghiệp sáng tạo với cơ quan nhà nước, địa phương, tập đoàn, doanh nghiệp lớn.

4. Hỗ trợ huấn luyện, nâng cao năng lực cho chuyên gia hỗ trợ hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, quản lý quỹ đầu tư mạo hiểm, quản lý vận hành chương trình ươm tạo, tăng tốc khởi nghiệp sáng tạo; đào tạo doanh nhân công nghệ xuất sắc.

5. Hỗ trợ tổ chức, cá nhân sử dụng nền tảng, dịch vụ, công cụ số phục vụ hoạt động khởi nghiệp sáng tạo.

6. Hỗ trợ tổ chức, cá nhân mua thông tin về công nghệ, tài liệu thiết kế, quy trình công nghệ, tiêu chuẩn kỹ thuật, phần mềm hỗ trợ, hoàn thiện công nghệ, thử nghiệm công nghệ, sản phẩm khởi nghiệp sáng tạo theo nhu cầu thị trường.

7. Hỗ trợ triển khai thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ mới của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy, thử nghiệm, giám định, chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa; áp dụng các

hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng; đăng ký lưu hành sản phẩm, hàng hoá.

8. Hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thiết kế công nghệ sản xuất, dây chuyền sản xuất; chuẩn hóa tài liệu kỹ thuật, công nghệ; tính toán thiết lập các thông số vận hành; thiết kế, chế tạo mẫu thử, khuôn mẫu, sản phẩm mới; thử nghiệm, kiểm nghiệm, đánh giá chất lượng sản phẩm; hiệu chỉnh công nghệ, dây chuyền sản xuất mới.

9. Hỗ trợ ươm tạo, tăng tốc doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, hoàn thiện mô hình kinh doanh, thu hút vốn đầu tư mạo hiểm, phát triển thị trường, ưu tiên lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ lõi, công nghệ chiến lược.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí thực hiện Chương trình thông qua nguồn chi sự nghiệp khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hằng năm theo quy định của pháp luật; đẩy mạnh huy động các nguồn kinh phí hợp pháp từ doanh nghiệp, tổ chức trong và ngoài nước để tham gia thực hiện Chương trình.

2. Kinh phí được xác định theo quy mô nhiệm vụ, hoạt động, phù hợp với mục tiêu, nội dung và yêu cầu thực tiễn; mức hỗ trợ của ngân sách nhà nước được quyết định trên cơ sở đề xuất và kết quả đánh giá của hội đồng.

3. Kinh phí được cấp theo giai đoạn, gắn với kết quả đánh giá trong kỳ và cuối kỳ; việc điều chỉnh hoặc chấm dứt tài trợ được thực hiện trên cơ sở kết quả đánh giá trong kỳ hằng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia (sau đây gọi tắt là Quỹ) là đơn vị chủ trì tổ chức thực hiện Chương trình theo quy định của pháp luật, có trách nhiệm:

a) Xây dựng kế hoạch triển khai; ban hành quy chế quản lý; xây dựng bộ chỉ số đánh giá kết quả, hiệu quả đầu ra và tác động của Chương trình;

b) Đề xuất kế hoạch kinh phí từ ngân sách nhà nước hằng năm và trung hạn; phối hợp với các đơn vị có liên quan trong phân bổ, quản lý và sử dụng kinh phí theo quy định của pháp luật;

c) Tổ chức công bố kế hoạch triển khai hằng năm; tiếp nhận, rà soát, xét duyệt hồ sơ; thành lập các hội đồng để đánh giá, lựa chọn đơn vị thực hiện theo thẩm quyền;

d) Ký kết hợp đồng, cấp kinh phí và tổ chức quản lý, giám sát việc sử dụng kinh phí, bảo đảm đúng mục đích, đúng đối tượng, tiết kiệm và hiệu quả;

đ) Tổ chức theo dõi, kiểm tra, đánh giá, báo cáo Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ kết quả thực hiện Chương trình theo định kỳ (hàng năm, giữa kỳ, cuối kỳ) và đột xuất; chủ trì, phối hợp đề xuất điều chỉnh mục tiêu, quy mô và cơ chế thực hiện khi cần thiết;

2. Các đơn vị chức năng thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ (bao gồm Cục Khởi nghiệp và Doanh nghiệp công nghệ và các đơn vị có liên quan) có trách nhiệm:

a) Xây dựng định hướng ưu tiên cho giai đoạn 2026-2030 và hàng năm rà soát, bổ sung trong trường hợp cần thiết;

b) Xây dựng, trình Bộ trưởng ban hành quy chế kiểm tra việc tổ chức thực hiện Chương trình;

c) Tổ chức kiểm tra việc triển khai Chương trình theo phân công;

d) Phối hợp đánh giá kết quả thực hiện Chương trình hàng năm và toàn giai đoạn; đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng và hiệu quả thực hiện.

3. Cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo và các đơn vị liên quan, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm phối hợp với Quỹ trong việc triển khai Chương trình.

4. Chương trình được tổ chức đánh giá giữa kỳ vào năm 2030 làm cơ sở điều chỉnh mục tiêu, quy mô và cơ chế thực hiện cho giai đoạn tiếp theo; tổ chức tổng kết vào năm 2035.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Giám đốc Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia, Cục trưởng Cục Khởi nghiệp và Doanh nghiệp công nghệ và Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Công an (CQ Thường trực BCD TW về phát triển KHCN, ĐMST và CDS);
- Các bộ, cơ quan ngang Bộ;
- UBND các tỉnh, thành phố;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thủ trưởng Hoàng Minh;
- Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trực thuộc Bộ;
- Công TTĐT của Bộ KH&CN;
- Lưu: VT, CKN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Hoàng Minh